

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG CHỈ QUỸ CÙNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 2**

(Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02 tháng 01 năm 2018)

NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ **TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Đăng ký niêm yết số: ... 243 /QĐ-SGDHCM
do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 07 năm 2018)*

1. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Thị Anh Tú – chức vụ : Kế toán trưởng

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63 A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028.6299.2090

2. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, phương tiện công bố bản cáo bạch (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...);

Bản Cáo Bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Điều Lệ Quỹ, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (www.tvam.vn), tại địa chỉ Công Ty tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

I. Những tổ chức chịu trách nhiệm chính với bản cáo bạch	4
1. Tổ chức đăng ký niêm yết	4
2. Ngân hàng giám sát	4
II. Các Thuật ngữ/Định nghĩa	4
III. Cơ hội đầu tư	6
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	6
2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư	8
IV. Thông tin về Quỹ đầu tư	11
1. Thông tin chung về Quỹ	11
1.1. Tên và địa chỉ liên hệ, điện thoại, fax, website, email của Quỹ.	11
1.2. Ban đại diện quỹ	11
1.3. Quá trình thành lập Quỹ	13
2. Điều lệ Quỹ	14
2.1. Các điều khoản chung	14
2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư	17
2.3. Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư	18
2.4. Phân phối kết quả hoạt động	19
2.5. Đại hội người đầu tư	19
2.6. Ban đại diện Quỹ	21
2.7. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý quỹ	24
2.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát	26
2.9. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	28
3. Mục tiêu đầu tư của Quỹ	28
4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	28
4.1. Rủi ro thị trường	28
4.2. Rủi ro tính thanh khoản thị trường	29
4.3. Rủi ro lãi suất	29
4.4. Rủi ro lạm phát	29
4.5. Rủi ro pháp lý	29
4.6. Rủi ro tín nhiệm	30
4.7. Rủi ro xung đột lợi ích	30
5. Giá dịch vụ, lệ phí và thưởng hoạt động	30
5.1. Giá dịch vụ phát hành	30

5.2. Giá dịch vụ quản lý	30
5.3. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký	31
5.4. Các loại giá dịch vụ và lệ phí khác	31
6. Giao dịch chứng chỉ quỹ	32
6.1. Chuyển nhượng và thừa kế chứng chỉ quỹ	32
6.2. Thời hạn nắm giữ tối thiểu	32
7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	32
7.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng	32
7.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	33
8. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ	36
9. Chế độ báo cáo	37
10. Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư	37
V. Thông tin về công ty quản lý quỹ và các tổ chức khác có liên quan	38
1. Thông tin về công ty quản lý Quỹ	38
1.1. Thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ:	38
1.2. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ.	44
2. Thông tin về ngân hàng giám sát	44
3. Thông tin về công ty kiểm toán	45
VI. Niêm yết chứng chỉ quỹ	45
1. Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ	45
2. Giấy ủy quyền của ban đại diện Quỹ	45
3. Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	46
4. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	46
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	46
6. Các loại thuế có liên quan	46
VII. Cam kết	47
VIII. Phụ lục đính kèm	47
1. Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua	47
2. Các phụ lục khác được nói đến trong Bản cáo bạch	47
3. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết	47
4. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch	48

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

1.1 Các thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt gồm có:

Ông/Bà: Nguyễn Thanh Thảo - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Trần Vinh Quang - Chức vụ: Giám đốc /Tổng giám đốc

Ông/Bà: Nguyễn Thị Anh Tú - Chức vụ: Kế toán trưởng

1.2 Các thành viên Ban đại diện quỹ gồm có:

Ông: Nguyễn Văn Ngọc - Chức vụ: Chủ tịch

Ông: Nguyễn Hữu Duy - Thành viên

Bà: Ngô Thị Tuất - Thành viên

Bà: Hà Thanh Hòa - Thành viên

Bà: Lại Hải Hồng - Thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Các tổ chức có liên quan:

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành

Ông/Bà: Lê Mỹ Linh - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh. Các văn bản về ủy quyền và bổ nhiệm đối với Bà Lê Mỹ Linh như sau:

- Quyết định số 8996/QĐ-BIDV.HTH về việc ủy quyền chức năng nhiệm vụ cho Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh thuộc Ngân hàng BIDV, do ông Phan Đức Tú, Người đại diện theo pháp luật, chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ký ngày 07/11/2016;
- Quyết định số 7386/QĐ-BIDV ngày 24/9/2015 về việc bổ nhiệm Bà Lê Mỹ Linh làm Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Hà Thành.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2” Là Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 29/GCN-UBCK ngày 02/01/2018 hoạt động theo mô hình quỹ đóng (đại chúng) và quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này và pháp luật liên quan. (Sau đây gọi tắt là “Quỹ” hoặc “TVGF2”).

“Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt” Là Công ty quản lý quỹ hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/6/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và Giấy phép điều

chính số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015. (Sau đây gọi tắt là “Công ty quản lý quỹ” hoặc “TVAM”). TVAM là Công ty được ủy thác quản lý Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2.

“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Giấy chứng nhận Chi nhánh Hoạt động lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như bảo quản, lưu ký chứng khoán, các hợp đồng kinh tế và chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập theo quy định của pháp luật và thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty Quản lý Quỹ thực hiện.
“Công ty kiểm toán”	Là Công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
“Điều lệ”	Là Điều lệ Quỹ, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền tham dự và biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường, để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ, thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện quỹ”	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
“Chứng chỉ quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư góp vốn đối với một phần vốn góp của Quỹ.
“Giá bán”	Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu) cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Thưởng”	Là khoản thưởng mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ, nếu giá trị

tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu do Đại hội Nhà đầu tư quy định một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ.

“Lợi nhuận quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày lập Quỹ”	Là ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.
“Năm tài chính”	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm định giá.
“Người có liên quan”	Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
“GDP”	Tổng sản phẩm quốc nội
“CAGR”	Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
“UBGSTCQG”	Ủy ban giám sát tài chính quốc gia

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

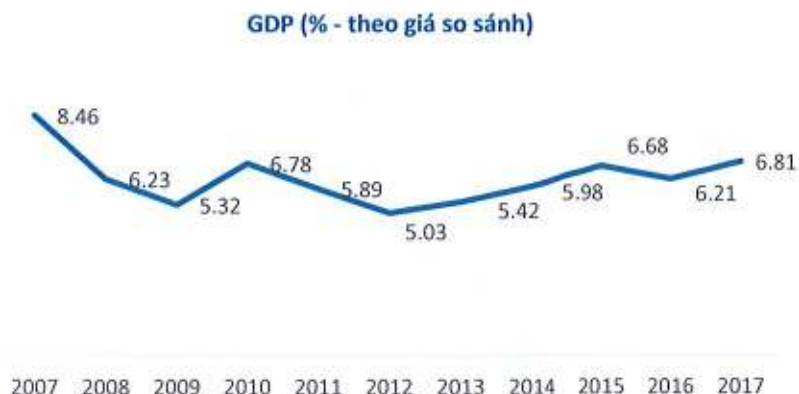
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,02% trong 6 năm 2012-2017, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực và trên thế giới. Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức thấp, tạo nền tảng ổn định cho phát triển kinh tế. Nguồn vốn FDI gia tăng không ngừng, hoạt động xuất khẩu được thúc đẩy bởi hàng loạt các hiệp định thương mại song phương và đa phương được ký kết gần đây, và hoạt động tiêu dùng của tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng là 3 tác nhân chính thúc đẩy tăng trưởng GDP. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định cùng với lạm phát kiểm soát được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam trở thành điểm đến đối với các dòng vốn quốc tế.

1.1 Triển vọng tăng trưởng kinh tế tốt (đo lường bởi tốc độ tăng GDP)

- Trong những năm gần đây, theo số liệu Tổng cục thống kê (GSO), tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá quan với mức tăng lần lượt 5,98% (năm 2014), 6,68% (năm 2015), 6,21% (năm 2016) và 6,81% (năm 2017). Năm 2017 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 6,81%, đây là mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại kể từ năm 2008, chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đều cả ba ngành chính, cụ thể ngành nông nghiệp ghi nhận tăng 2,90% (so với mức 1,36% năm 2016), công nghiệp và xây dựng tăng 8,00% (so với mức 7,57% năm 2016) và dịch vụ tăng 7,44% (so với mức 6,98% năm 2016).

Hình: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2007 - 2017



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- Trong năm 2018, tăng trưởng GDP dự kiến đạt 6,7% (theo quyết định số 01/QĐ-TT ngày 01/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ), vượt xa mức tăng trưởng GDP toàn cầu 3,1% và khu vực châu Á 5,8%, nhờ vào dòng vốn đầu tư tiếp tục hướng vào ngành công nghiệp chế biến và nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng. Ngành công nghiệp và xây dựng và dịch vụ (gồm ngành bán lẻ và du lịch) được dự đoán tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các năm sắp tới. Bên cạnh đó việc Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (gọi tắt là CP-TPP) được ký kết thành công sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế to lớn cho Việt Nam trong dài hạn.

1.2 Lạm phát được kiểm soát (chỉ số lạm phát được đo lường bằng sự thay đổi CPI)

- Khác với giai đoạn trước khi tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với lạm phát cao, thì giai đoạn 2012 – 2017 nền kinh tế tăng trưởng bền vững hơn khi mức lạm phát duy trì ở mức thấp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016 và CPI bình quân 2017 tăng 3,53% so với năm 2016, thấp hơn so với Quốc hội đề ra 4%. Mức lạm phát được kiểm chế sẽ là cơ sở cho chính sách tiền tệ nới lỏng, trong đó kỳ vọng chi phí lãi suất cho vay thấp; đây là điều tốt hơn cho các doanh nghiệp niêm yết nói riêng và nền kinh tế nói chung. Lạm phát năm 2018 được xác định kiểm soát ở mức 4% (theo quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 01/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ), là mức khá thách thức do áp lực từ sự phục hồi của giá dầu thô và giá cả hàng hóa cơ bản.

Hình: Lạm phát theo năm giai đoạn 2007 - 2017

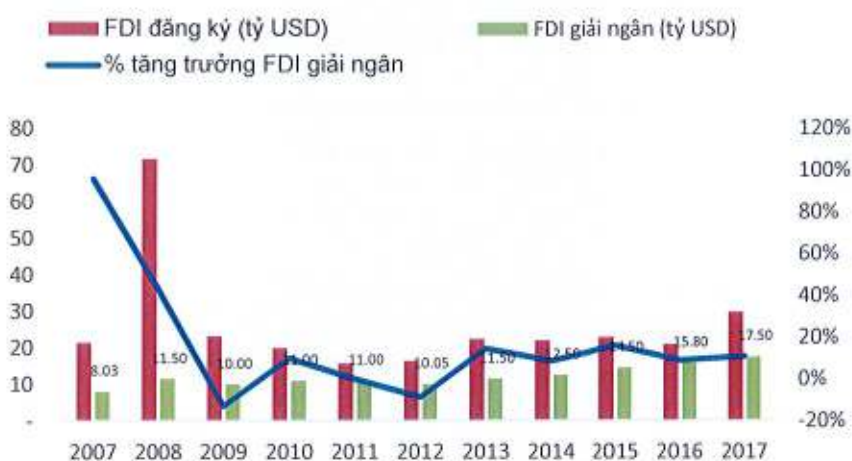


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.3 Vốn Đầu tư Trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng mạnh

- Vốn FDI giải ngân đạt mức tăng trưởng kép bình quân là 11.47% trong giai đoạn 2012-2017 và đạt mức kỷ lục 17,5 tỷ USD trong năm 2017. Vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần vào Việt Nam cũng tăng 44,4% so với cùng kỳ, đạt 35,9 tỷ USD vào năm 2017 (trong đó tính riêng vốn đăng ký mới và tăng vốn là 29,69 tỷ USD). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút gần 15,9 tỷ USD, chiếm khoảng 44,2% tổng vốn đăng ký. Việc Chính phủ tiếp tục cam kết tạo điều kiện thuận lợi hơn cho môi trường đầu tư, mà cụ thể vừa qua đã bãi bỏ nhiều thủ tục hành chính trong việc cấp phép kinh doanh, được kỳ vọng sẽ tiếp tục đưa Việt Nam trở thành điểm thu hút FDI trong các năm tới. Ngoài ra Việt Nam cũng đã hoàn tất thương lượng một số hiệp định thương mại tự do, trong đó quan trọng có hiệp định CP-TPP (phiên bản chỉnh sửa TPP sau khi Mỹ rút khỏi) vào ngày 08/03/2018, FDI dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2018 do tác động của các hiệp định thương mại, lợi thế nhân công giá rẻ, chi phí sản xuất và giá thuê đất thấp

Hình: Vốn FDI giai đoạn 2007 - 2017



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế Hoạch và Đầu tư

▪ Nhiều hiệp định thương mại được ký kết

Với nhiều Hiệp định tự do thương mại (FTA) vừa được kết thúc đàm phán hoặc ký kết như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Liên Minh Châu Âu – Việt Nam (EVFTA) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (gọi tắt là CP-TPP) và Hiệp định Thương Mại Tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á Âu, Việt Nam được dự đoán sẽ đạt sự tăng trưởng mạnh mẽ về hoạt động thương mại xuất nhập khẩu và đầu tư, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP của cả nước trong những năm sắp tới.

▪ Tiêu dùng của người dân tăng nhanh

Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng từ năm 2007 (Nguồn: Nghị quyết số 21 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành T.Ư, khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới). Dân số ở độ tuổi lao động tăng nhanh là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng từ tiêu thụ xe ô tô đến hàng hóa tiêu dùng nhanh như thực phẩm tươi sống...

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

Nhờ vào nỗ lực điều hành của Chính phủ trong ổn định kinh tế vĩ mô cũng như tập trung phát triển kênh huy động vốn dài hạn cho nền kinh tế nên thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước phát triển tốt trong 05 năm trở lại đây. Cụ thể, xét về mặt chỉ số thị Vnindex đã ghi nhận mức tăng hằng năm lần lượt là 21,97% (năm 2013), 8,12% (năm 2014), 6,12% (năm 2015), 14,82% (năm

2016) và 48,03% (năm 2017). Xét về mặt khối lượng là chỉ báo cho việc thu hút dòng tiền đầu tư, thì khối lượng qua các năm cũng cải thiện đáng kể với mức tăng 14,93% (năm 2016) và 48,25% (năm 2017). Tính đến ngày 08/06/2018, VNIndex tiếp tục ghi nhận mức tăng 5,56% so với ngày 29/12/2017. Ngoài ra, dòng tiền tiếp tục đổ vào thị trường; cụ thể trong 05 tháng đầu năm 2018 (02/01/2018 – 31/05/2018) giá trị giao dịch bình quân ngày đạt khoảng 7,295 tỷ đồng; tăng 95.8% so với 05 tháng đầu năm 2017.

Hình: VnIndex và Khối lượng Giao dịch giai đoạn 2007 - 2017



Nguồn: Sở Giao dịch Hồ Chí Minh, Bloomberg

- Lãi suất thấp làm tăng tính hấp dẫn kênh đầu tư chứng khoán

Thị trường chứng khoán đã có sự tăng trưởng vượt bậc thời gian qua. Năm 2017, VNIndex tăng trưởng 48% so với 2016 trong khi HN-Index tăng 45,9% so với 2016. Các kênh đầu tư tương đương như tiền gửi chỉ mang lại lãi suất khoảng 4%-6%/năm. Với tỷ suất lợi nhuận cao hơn thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục thu hút dòng tiền.

Hình: So sánh các kênh đầu tư (Kỳ gốc là 2014)



Nguồn: Sở Giao dịch Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống Kê, Economist Intelligence Unit và Bloomberg

- Làn sóng IPO và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước

Làn sóng cổ phần hóa DNNN sẽ tiếp tục cung cấp thêm nhiều lựa chọn đầu tư cho các quỹ đầu tư lớn trong tương lai. Năm 2018 là đỉnh điểm thoái vốn Nhà nước và IPO với dự kiến 181 doanh nghiệp nhà nước sẽ thoái vốn. Bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp lớn cũng sẽ lên niêm yết như CTCP Ô tô Trường Hải (THACO), Techcombank, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam,...

- Nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào thị trường chứng khoán kỳ vọng gia tăng

Trong năm 2017, giá trị mua ròng của khối ngoại đạt mức kỷ lục hơn 23.102,17 tỷ VND trên cả 02 sàn giao dịch Hồ Chí Minh và Hà Nội. Tính đến ngày 28/02/2018, trên sàn giao dịch Hồ Chí Minh giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt 9.703 tỷ đồng (so với mức 1.207 tỷ đồng trong 02 tháng đầu năm 2017). Nguồn vốn đầu tư nước ngoài gián tiếp dự kiến được kỳ vọng sẽ vẫn đổ mạnh vào Việt Nam trong thời gian tới trước triển vọng nâng hạng thị trường mới nổi trong tương lai tiềm năng nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp niêm yết và những chính sách hỗ trợ và thúc đẩy của Chính phủ trong việc thoái vốn doanh nghiệp nhà nước sẽ tiếp tục tạo nên làn sóng lên sàn và IPO trong năm 2018.

Hình: Đầu tư gián tiếp (do lường bằng giá trị giao dịch cổ phiếu) giai đoạn 2007–2017



Nguồn: Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tiềm năng tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài đến 100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại đa số các công ty niêm yết Việt Nam, trừ ngân hàng giới hạn ở 30% và các ngành có điều kiện theo quy định pháp luật được giới hạn đến 49%. Trong tương lai gần, Chính phủ sẽ đẩy mạnh việc rà soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các trường hợp hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài của các doanh nghiệp niêm yết, đăng ký giao dịch tập trung theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP để gỡ bỏ hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49% cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Việc này giúp thu hút thêm vốn đầu tư nước ngoài và hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam.

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong tương lai dựa trên: Nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định với GDP tăng trưởng cao và lạm phát thấp; Chính sách tiền tệ linh hoạt với lãi suất hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh và làm tăng tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán với kỳ vọng tỷ suất sinh lợi đầu tư cao hơn; Làn sóng IPO và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước cùng với những thay đổi về cơ chế thị trường giúp đa dạng hóa cơ hội đầu tư, tăng thanh khoản và thu hút thêm dòng tiền; Nguồn vốn đầu tư gián tiếp vào thị trường kỳ vọng gia tăng và tỷ lệ sở hữu nước ngoài một số ngành mà Nhà nước không cần kiểm soát có thể được nâng lên mức tối đa 100%,

Với triển vọng thị trường như trên, TVGF2 tập trung vào chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt và chi trả lãi cổ tức cao đặc biệt các nhóm ngành mà quỹ dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm nay là tiêu dùng, tài chính (ngân hàng, bất động sản chứng khoán), xây dựng...

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ, điện thoại, fax, website, email của Quỹ

- Tên đầy đủ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
- Tên tiếng Anh: Thien Viet Growth fund 2
- Tên viết tắt: TVGF2
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. HCM
- Số điện thoại: 028. 6299 2090 Fax: 028. 6299 2103
- Website: www.tvam.vn Email: info@tvam.vn

1.2. Ban đại diện quỹ:

Giới thiệu về Ban đại diện Quỹ:

1.2.1- Cơ cấu Ban đại diện Quỹ: Ban đại diện quỹ gồm 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên độc lập và 1 thành viên không độc lập như sau:

STT	Họ và tên	Phân loại thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên độc lập	Chủ tịch Ban đại diện
2	Ông Nguyễn Hữu Duy	Thành viên độc lập	Thành viên
3	Bà Ngô Thị Tuất	Thành viên độc lập	Thành viên
4	Bà Hà Thanh Hòa	Thành viên độc lập	Thành viên
5	Bà Lại Hải Hồng	Thành viên không độc lập	Thành viên

1.2.1- Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Ban đại diện quỹ:

- Ông Nguyễn Văn Ngọc
- Sinh năm 1952
- Chức vụ: Chủ tịch Ban đại diện quỹ
- Số CMND/hộ chiếu: 001052000245
- Kinh nghiệm làm việc: ông Nguyễn Văn Ngọc tốt nghiệp Trường Đại học Pacific Western University với học hàm thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông có nhiều năm làm quản lý kinh doanh và đầu tư, từ năm 1991 đến 2013 Tổng giám đốc Công Ty Xây Lắp Hóa Chất Thuộc Bộ Công Nghiệp. Từ năm 2013 – nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Lắp H36. Ông đồng thời là Chủ tịch Ban đại diện quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (TVGF).
- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 2.000.000 chiếm 11.76%
- Người liên quan đang nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên cá nhân	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Nguyễn Thị Hương Giang	50.000 (0,29%)	Con
02	Nguyễn Bích Ngọc	50.000 (0,29%)	Con

▪ Ông Nguyễn Hữu Duy

- Sinh năm: 1979
- Chức vụ: Thành viên Ban đại diện quỹ
- Số CMND/hộ chiếu: 023164124
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Nguyễn Hữu Duy có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh và đã có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc. Ông đã có 9 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, phân tích đầu tư, trong hoạt động chứng khoán tại Công ty Chứng Khoán MB, Công ty Chứng Khoán Vietcombank. Từ năm 2016 – nay Trưởng phòng phân tích TVS.
- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 100 CCQ chiếm 0,0006%
- Người liên quan đang nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Nguyễn Thị Phương Thảo	100 (0,0006%)	Vợ
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	Trưởng phòng phân tích

▪ Bà Ngô Thị Tuất

- Sinh năm: 1982
- Chức vụ: Thành viên Ban đại diện quỹ
- Số CMND/hộ chiếu: 111641381
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Ngô Thị Tuất đã tốt nghiệp cử nhân Học viện Tài chính chuyên ngành Tài chính- ngân hàng, có hơn 7 năm kinh nghiệm làm kế toán trong lĩnh vực chứng khoán. Từ năm 2010 – nay chuyên viên kế toán tại Công ty Chứng khoán Thiên Việt.
- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 100 CCQ chiếm 0,0006%
- Người liên quan đang nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	nhân viên kế toán

▪ Bà Hà Thanh Hòa

- Sinh năm: 1981
- Chức vụ: Thành viên Ban đại diện quỹ
- Số CMND/hộ chiếu: 012904737
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Hà Thanh Hòa đã tốt nghiệp Viện Đại học mở Hà Nội chuyên ngành kế toán. Bà Hà Thanh Hòa có hơn 13 năm làm việc trong lĩnh vực kế toán. Bà Hà Thanh Hòa từng làm kế toán thuế tại Công ty Dự án Công nghệ Nhật Hải, kế toán tổng hợp tại Công ty cổ phần Thiết bị. Từ 2010 – nay kế toán ngân hàng, kế toán tài sản cố định tại Công ty Chứng khoán Thiên Việt.
- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 100 CCQ chiếm 0,0006%

- Người liên quan đang nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Hoàng Thị Sáu	30.000 (0,18%)	Mẹ
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	nhân viên kế toán

▪ **Bà Lại Hải Hồng**

- Sinh năm: 1977
- Chức vụ: Thành viên Ban đại diện quỹ
- Số CMND/hộ chiếu: 025551234
- Kinh nghiệm làm việc: bà Lại Hải Hồng là cử nhân Luật chuyên ngành luật kinh tế , đến nay đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại nhiều các vị trí khác nhau như: nhân sự Công ty xây dựng thương mại Trần Thành Công (2001-2002), giao dịch và lưu ký chứng khoán công ty Chứng khoán Beta (2009-2010), trợ lý luật sư Công ty Luật TNHH(trách nhiệm hữu hạn) Chính Nghĩa Luật (2011-2012), kế toán Công ty TNHH (trách nhiệm hữu hạn) Đầu tư Ba Sao (2013-2015). Hiện bà đang làm việc cho Công ty quản lý quỹ Thiên Việt với chức vụ là kiểm soát nội bộ của Công ty và là thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (TVGF)
- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 100 CCQ chiếm 0,0006%
- Người liên quan đang nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Lại Hải Hoa	100 (0,0006%)	Chị
02	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Kiểm soát nội bộ

1.3. Quá trình thành lập Quỹ:

- Việc huy động vốn thành lập Quỹ được thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 62/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2017 và được UBCNNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 29/GCN-UBCK cấp ngày 02/01/2018
- Kết quả huy động vốn cho Quỹ :
- Tên quỹ phát hành: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
Tên tiếng Anh: Thien Viet Growth Fund 2
Tên viết tắt: TVGF2
- Loại hình quỹ: Quỹ đầu tư đại chúng dạng đóng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/chứng chỉ quỹ
- Tổng số lượng chứng chỉ quỹ thực tế phân phối: 17.000.000 (Mười bảy triệu) chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị thực tế huy động (trừ các loại giá dịch vụ liên quan đến phát hành): 170.000.000.000 (Một trăm bảy mươi tỷ) đồng.
- Ngày phát hành: 20/10/2017
- Ngày kết thúc huy động vốn: 20/12/2017
- Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Tài khoản nộp tiền: 122.11.00.0003152 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

- Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ: TVGF2 là một quỹ đại chúng dạng đóng có thời hạn hoạt động là 3 (ba) năm kể từ ngày hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
- Ngày 02 tháng 01 năm 2018, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do UBCKNN cho việc thành lập quỹ cho TVGF2.
- Báo cáo kết quả huy động vốn đã được ngân hàng giám sát xác nhận và đệ trình UBCKNN

Đối tượng mua chứng chỉ quỹ		Giá chào bán	Số chứng chỉ quỹ chào bán	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua	Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số người không được phân phối	Số chứng chỉ quỹ còn lại	Tỷ lệ chứng chỉ quỹ phân phối
1		2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Nhà đầu tư trong nước	Cá nhân	10.100		12.959.198	12.959.198	114	114	-	-	76,23%
	Tổ chức	10.100		3.697.000	3.697.000	2	2	-	-	21,75%
2. Nhà đầu tư nước ngoài	Cá nhân	10.100		343.802	343.802	3	3	-	-	2,02%
	Tổ chức	10.100				-	-	-	-	-
Tổng số			30.000.000	17.000.000	17.000.000	119	119	-	-	100%

2. Điều lệ Quỹ

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1. Các điều khoản chung

- Tên đầy đủ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
- Tên tiếng Anh: Thiên Viet Growth Fund 2
- Tên viết tắt: TVGF2
- Vốn điều lệ của Quỹ: 170.000.000.000 (Một trăm bảy mươi tỷ) đồng
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Thời hạn hoạt động của Quỹ là 03 năm kể từ ngày 02/01/2018 (là ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực). Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và được sự chấp thuận của UBCKNN.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá thấp so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết, doanh

ng nghiệp trên sàn Upcom, và doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

b. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể: Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:
 - Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
 - Nông nghiệp
 - Thủy sản
 - Bất động sản & cơ sở hạ tầng
 - Dịch vụ xây dựng
 - Vật liệu xây dựng
 - Hàng tiêu dùng
 - Dịch vụ tài chính (bảo hiểm, chứng khoán...)
 - Năng lượng
 - Công nghiệp
 - Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
 - Công nghệ thông tin/Viễn thông
 - Ngân hàng

c. Chiến lược đầu tư

- Đầu tư vào những Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững
- Những Doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.
- Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao
- Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.
- Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn
- Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.
- Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch
- Kinh nghiệm và tổ chức của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

d. Cơ cấu đầu tư

- TVGF2 sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư theo luật định và điều lệ Quỹ với cơ cấu danh mục chính là chứng khoán. Tỷ trọng từng loại tài sản trong danh mục sẽ linh hoạt tùy thuộc vào diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán từng thời kỳ.

- Khi công ty quản lý quỹ nhận định điều kiện thị trường chung có nhiều triển vọng khả quan, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có thể trên 90% là cổ phiếu. Ngược lại, khi nhận định điều kiện thị trường có nhiều khả năng bất lợi, tỉ trọng tiền mặt và các tài sản mang thu nhập cố định có thể chiếm trên 50% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

e. Các tài sản được phép đầu tư

- Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
- Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

f. Các hạn chế đầu tư

- Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam và các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn và chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán không (cho vay chứng khoán để bán);
- Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ mình, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

g. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu với những yếu tố sau:

- Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;

- Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- So sánh với các đối thủ trong ngành ở trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
- Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- Phân tích SWOT về công ty.
- Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

2.3. Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư

a. Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư của quỹ có thể là pháp nhân hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (1) chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bốn phạm vi khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.
- Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo mức tối đa theo quy định của pháp luật liên quan từng thời kỳ.

b. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
 - Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.
- Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
 - Đề cử người vào ban đại diện quỹ;
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
- Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

c. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;
 - Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán; tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;
 - Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
- Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.

d. Niêm yết và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

- Chứng chỉ quỹ sẽ được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục, hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư được tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

e. Thừa kế chứng chỉ quỹ

- Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

2.4. Phân phối kết quả hoạt động

a. Phương thức phân chia lợi tức quỹ

- Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.

- Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

b. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Trong trường hợp Quỹ đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải họp xem xét nguyên nhân thua lỗ để xem xét trách nhiệm.

- Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - a) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
 - b) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;
- Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ nếu do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ tại thời điểm xảy ra tổn thất.

2.5. Đại hội người đầu tư

a. Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường;

- Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp
- Đại hội nhà đầu tư bất thường: Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - Theo yêu cầu của nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng;

Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư.

Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư trong thời hạn này, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo.

b. Quyền hạn và nhiệm vụ của người đầu tư, đại hội người đầu tư

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;
- Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;
- Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ quỹ.

c. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy trình nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau:
 - Thông báo triệu tập cuộc họp đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự đại hội nhà đầu tư;
 - Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - Lập và thông qua biên bản đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của đại hội nhà đầu tư.
- Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.
- Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 18 của Điều lệ, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự,

thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với các nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu hợp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp đại hội nhà đầu tư.

- Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
- Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

2.6. Ban đại diện Quỹ

a. Tổ chức Ban đại diện Quỹ

- Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, là cơ quan đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư bao gồm 5 (năm) thành viên.
- Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập (không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này).
- Trong ban đại diện quỹ phải có:
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật
- Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 3 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
- Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và Ngân hàng giám sát.
- Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên ban đại diện quỹ:
 - a) Thành viên ban đại diện quỹ bị Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ;
 - Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 1 năm liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Công ty quản lý quỹ nhận được đơn từ chức;
 - Vi phạm Điều lệ Quỹ khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.

11
21
01
1A
H
1/1
H

b) Công ty quản lý Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư hoặc xin ý kiến bằng văn bản đề bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau đây:

- Số lượng thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ. Trường hợp này, Công ty quản lý Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba.
- Số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập bị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ.
- Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

b. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ:

- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xoá án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;
- Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
- Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.

c. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

- Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ; chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ

quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

- Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

d. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- Đại hội người đầu tư bầu chủ tịch ban đại diện quỹ trong số thành viên ban đại diện. Chủ tịch ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Chủ tịch ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của ban đại diện quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp ban đại diện quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ban đại diện quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

e. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- Trường hợp chủ tịch ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên ban đại diện quỹ được Chủ tịch ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch ban đại diện quỹ.
- Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

f. Cuộc họp ban đại diện quỹ

- Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu sáu (06) tháng một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.
- Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất hai (2) ngày làm việc.
- Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (qua email) hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
- Cuộc họp ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- Người điều hành quỹ và Đại diện của Công ty quản lý quỹ có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

g. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ. Biên bản họp

ban đại diện quỹ phải được gửi cho Ngân hàng giám sát 01 bản gốc/hoặc bản sao hợp lệ để thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định của điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.

2.7. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

a. Tiêu chí lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty quản lý quỹ được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

b. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

- Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ
 - Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
 - Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - Thực hiện việc đầu tư tài sản của quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ,
 - Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Nhà đầu tư ủy thác và các Quỹ khác do công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
 - Bảo đảm việc ủy quyền hoạt động cho bên thứ ba phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
 - Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho quỹ thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên liên quan.
 - Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản Giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
 - Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
 - Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.
- Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- Được hưởng giá dịch vụ quản lý quỹ và thường được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật; Mức thường bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
 - o Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hàng năm của quỹ vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại điều lệ quỹ;
 - o Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liên trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.
- Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ và các quy định khác của pháp luật.
- Được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung.
- Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định Điều lệ quỹ và quy định pháp luật.

c. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ quỹ;
 - Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư;
 - Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 70 Luật Chứng khoán;
 - Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - Quỹ hết thời gian hoạt động.
- Khi chấm dứt, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật.

d. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không bị hạn chế giao dịch chứng chỉ Quỹ. Các giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (trừ trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng) hoặc theo các phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao dịch.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

- Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ quản lý quỹ, thường trả cho Công ty quản lý quỹ và đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ.
- Trong hoạt động quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính quỹ, các quỹ khác do mình quản lý.
 - Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.
 - Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

a. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
- Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và 3 của Điều lệ quỹ.

b. Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát

- Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
 - Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
 - Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập;

- Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
 - Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
 - Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba;
 - Công ty quản lý quỹ là đại diện được ủy quyền thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ. Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
 - Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;
 - Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, kể cả các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với quỹ;
 - Các giao dịch cho quỹ trên tài khoản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác, phải được xác định rõ là thuộc về quỹ. Trường hợp giao dịch trên tài khoản hoặc đứng danh của tổ chức lưu ký phụ theo pháp luật có liên quan, các giao dịch này và tài sản trong giao dịch phải được xác định rõ là thuộc về quỹ, thông qua ngân hàng giám sát;
 - Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ đã lưu ký và gửi kho quỹ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của ngân hàng, hoặc do sự cầu thả, không cẩn thận của ngân hàng;
 - Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
 - Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
 - Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ.
- **Quyền của ngân hàng giám sát**
- Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.
- c. **Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát**
- Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- Ngân hàng lưu ký giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư.
- Khi chấm dứt, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

2.9. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

a. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

- Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
 - Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán quỹ đầu tư.
 - Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

b. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

c. Chế độ báo cáo

- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được thông báo đến Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.
- Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

3. Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá thấp so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp trên sàn Upcom, và doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Đầu tư vào Quỹ có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này. Dưới đây là những yếu tố

rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, Quỹ có cơ chế phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ nhằm hạn chế rủi ro này.

4.2 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Tính thanh khoản của chứng khoán được hiểu là khả năng chuyển đổi dễ dàng từ tiền sang chứng khoán và ngược lại. Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Quỹ là việc đầu tư và thoát khỏi thị trường đúng thời điểm và việc này cũng phụ thuộc một phần vào tính thanh khoản của thị trường. Với mô hình đầu tư theo xu thế dựa vào phân tích định lượng, Quỹ sử dụng những thuật toán nhằm tiệm cận hóa những vùng đỉnh và đáy của thị trường. Đây là những vùng mà tính thanh khoản vẫn còn khá tốt, đáp ứng được nhu cầu đầu tư vào và thực hiện hóa lợi nhuận của Quỹ. Đồng thời, tính thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần được cải thiện cũng giảm thiểu phần nào rủi ro này.

4.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất cũng gây ra những ảnh hưởng quan trọng đến Quỹ vì một phần giá trị tài sản của Quỹ được đầu tư vào các sản phẩm có thu nhập cố định như trái phiếu, tiền gửi ngân hàng ... trong thời gian chờ cơ hội đầu tư vào cổ phiếu. Giá trị những tài sản này có xu hướng biến động ngược chiều với lãi suất thị trường, như giá trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất tăng. Do vậy tùy thời điểm mà Quỹ xem xét tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu hay tiền gửi.

Ngoài ra khi lãi suất thị trường tăng cao, những doanh nghiệp sử dụng vốn vay lớn sẽ tăng chi phí vay có thể gây giảm lợi nhuận và ảnh hưởng không tốt lên biến động giá cổ phiếu. Tiêu chí lựa chọn Công ty để đầu tư của Quỹ có xét đến Công ty có cơ cấu nợ hợp lý nhằm giảm thiểu rủi ro biến động giá do ảnh hưởng lãi suất.

4.4 Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và làm giảm hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Những công ty ít có khả năng tăng giá bán khi lạm phát sẽ có lợi nhuận ít hơn và giá trị ít bị ảnh hưởng hơn. Ngược lại, những công ty có thể tăng giá bán khi lạm phát sẽ có giá trị cao hơn trong trường hợp lạm phát cao. Rủi ro lạm phát đối với danh mục cổ phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách Quỹ sẽ tiến hành cơ cấu lại danh mục Quỹ theo hướng tăng tỷ trọng danh mục vào cổ phiếu của những công ty có khả năng chuyển phần lớn lạm phát sang người tiêu dùng.

4.5 Rủi ro pháp lý

Hoạt động đầu tư của Quỹ và hoạt động đầu tư chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đều chịu rủi ro pháp lý khi thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn non trẻ và các văn bản hướng dẫn hoạt động vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do quy mô thị trường còn nhỏ và còn nhiều hạn chế về mặt kỹ thuật, nhà nước vẫn đang điều hành theo hướng cải thiện dần dần sự vận hành của thị trường. Chắc chắn trong tương lai sẽ còn nhiều chính sách được đưa ra và những chính sách này có thể ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến hoạt động của quỹ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống, Công ty quản lý quỹ chú trọng xem xét các vấn đề pháp lý thay đổi để có giải pháp kịp thời bảo vệ quyền lợi cho Nhà đầu tư vào quỹ.

4.6 Rủi ro tín nhiệm

Hiện chưa có cơ quan nào xếp hạng tín nhiệm cho các Công ty quản lý quỹ. Quỹ TVGF2 được quản lý bởi Công ty quản lý Quỹ thiên Việt (TVAM). TVAM đã quản lý quỹ TVGF, danh mục đầu tư của khách hàng khá tốt trong 2 năm qua nhờ vào đội ngũ quản lý danh mục giàu kinh nghiệm và được thừa hưởng Hội đồng đầu tư từ Công ty mẹ là Công ty chứng khoán Thiên Việt (niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ chí Minh với mã cổ phiếu là TVS). Đội ngũ đầu tư và các thành viên Hội đồng đầu tư của TVAM có từ 10-30 năm kinh nghiệm kinh doanh lần đầu tư. Ông Nguyễn Trung Hà là thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT, Ngân hàng ACB và có nhiều kinh nghiệm đầu tư vào hơn 30 công ty trong nước khác. Bà Đinh Thị Hoa là thành viên sáng lập, Chủ tịch tập đoàn Galaxy, cũng là thành viên HĐQT của REE, ACB. Bà Nguyễn Thanh Thảo có kinh nghiệm làm việc trực tiếp tại các thị trường lớn như Mỹ và Nga. Bà Bùi Thị Kim Oanh có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành quản lý quỹ... Các nhân sự trực tiếp đầu tư đã từng quản lý danh mục đầu tư ở mức 500-1.000 tỷ và hiệu quả đầu tư luôn tốt hơn mức trung bình của thị trường. Đúng là, đầu tư ở mỗi thời kỳ mỗi khác và thực tế cho thấy có những lúc kiếm tiền rất dễ nhưng mất đi cũng rất nhanh. Tuy nhiên, những người đã có nhiều kinh nghiệm trên thị trường, trải qua nhiều thăng trầm, sẽ hình thành được nguyên tắc đầu tư riêng biệt để bảo toàn vốn của NĐT và tăng trưởng trong dài hạn. Quỹ TVGF2 được hình thành dựa trên những nguyên tắc đó, nên sẽ được nhà đầu tư tín nhiệm.

4.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Là rủi ro phát sinh từ những xung đột lợi ích giữa các Quỹ mà Công ty quản lý quỹ hiện đang quản lý hoặc các quỹ với chính Công ty quản lý quỹ hoặc giữa Quỹ và các sản phẩm tài chính khác của Công ty quản lý quỹ. Các xung đột này có thể dẫn đến sự có lợi hay bất lợi đối với mỗi một Quỹ. Để giảm thiểu những xung đột này, mỗi một Quỹ được Công ty quản lý quỹ có chế độ theo dõi hạch toán riêng và được giám sát chặt chẽ bởi Ban đại diện quỹ cũng như chịu sự giám sát từ Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ còn có Ban Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định liên quan đến quỹ được quản lý bởi TVAM. Ngoài ra, tình hình tài chính của mỗi Quỹ đều được soát xét bán niên và kiểm toán năm bởi đơn vị kiểm toán độc lập

4.8. Rủi ro khác

- Rủi ro về cơ sở dữ liệu: Do thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới có hơn 17 năm lịch sử nên dữ liệu về những chu kỳ kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán chưa đầy đủ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Quỹ xây dựng mô hình phân tích để ra quyết định đầu tư dựa trên cơ sở dữ liệu dài nhất có thể từ bộ dữ liệu này. Rủi ro thiếu cơ sở dữ liệu được Quỹ giảm thiểu thông qua việc phân tách cơ sở dữ liệu thành các chu kỳ nhỏ để kiểm tra khả năng thích ứng của mô hình. Ngoài ra, Quỹ cũng chỉ sử dụng dữ liệu từ các nguồn thông tin chính thống và từ cơ quan nhà nước, các ban ngành, từ doanh nghiệp và các tổ chức đáng tin cậy, độc lập và uy tín khác

5. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

5.1. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng là 1%/mệnh giá, tương đương 100 (một trăm đồng)/Chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành do nhà đầu tư trả và áp dụng khi phát hành chứng chỉ quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.

5.2. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

- a.1 –Giá dịch vụ quản lý thường niên:

Giá dịch vụ quản lý là 1%/năm và được tính hằng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của danh mục (NAV) tại thời điểm đầu mỗi tháng

Công ty quản lý quỹ sẽ tự động trích thu giá dịch vụ quản lý phát sinh khi đến hạn.

a.2 - Thường: Công ty Quản lý quỹ được hưởng mức thưởng như sau:

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ Thiên Việt một lần vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm tài chính nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ TVGF2 cao hơn chỉ số căn bản ở mức 8% trong năm tài chính.

Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ Thiên Việt sẽ nhận được bằng 20% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thưởng = 20% x L_i

$L_i = V_i +$ cổ tức đã trả trong năm - [$V_{i-1} \times (100\% + 8\%) + N_i \times (100\% + 8\% \times d/365)$]

L_i : khoản lợi nhuận vượt trội để tính thưởng hoạt động hằng năm

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i

8%: chỉ số căn bản được cố định ở mức 8%

Điều khoản thưởng cũng được điều chỉnh theo mức lợi suất cao nhất trước đó (điều khoản “high water mark”) được áp dụng theo thông lệ quốc tế đối với mức thưởng hoạt động để bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư.

5.3 Giá dịch vụ giám sát, lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký là mức giá được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý quỹ với Ngân hàng giám sát. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được tính dựa trên NAV vào ngày định giá. Giá này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức giá và phương pháp thanh toán được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

5.4 Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

Các chi phí này có thể bao gồm:

- Giá dịch vụ môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;

- Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch khi phát hành chứng chỉ quỹ;
- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định

6. Giao dịch chứng chỉ quỹ

6.1. Chuyển nhượng và thừa kế chứng chỉ quỹ

a. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư được tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật liên quan .
- Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

b. Thừa kế chứng chỉ quỹ

- Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư theo quy định của pháp luật sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

6.2. Thời hạn nắm giữ tối thiểu: không

7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

7.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá là ngày Thứ Sáu của mỗi tuần. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát.
- Trường hợp bị định giá sai, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện ra sự việc, ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát kịp thời điều chỉnh.
- Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân

xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

7.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.
- Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

i. Giá trị tài sản tài chính

ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

11/2
 CẾ
 CẾ
 JÁ
 TH
 11/2

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá (dùng để xác định giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

ii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
-----	------------------	-----------------

11/01/2017
TỶ
IÂN
Y C
VIỆ
36

1	Quyền chọn cổ phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

8. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

- Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.
- Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp mới được nhận lợi tức quỹ.

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

V. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN:

1. Thông tin về công ty quản lý Quỹ

1.1. Thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ:

1.1.1. Tên và địa chỉ trụ sở (địa chỉ, điện thoại, fax, website, email), chi nhánh, Văn phòng đại diện (nếu có) của Công ty quản lý quỹ;

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
- Tên viết tắt: TVAM
- Trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.62992090 Fax: 028.62992103
Website: www.tvam.vn Email: info@tvam.vn

1.1.2. Số giấy phép (đính kèm bản sao Giấy phép vào Bản cáo bạch);

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Giấy phép thành lập hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2009; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/01/2013, Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/10/2013; và Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015

1.1.3. Giới thiệu về các cổ đông/thành viên sáng lập Công ty QLQ và người có liên quan;

Được thành lập vào năm 2007, TVS là một tổ chức ngân hàng đầu tư độc lập được cấp phép đầy đủ với hoạt động trong ngành nghề kinh doanh chứng khoán và tư vấn tài chính tại Việt Nam, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và nỗ lực đáp ứng nhu cầu khách hàng. Dịch vụ tài chính của TVS bao gồm Ngân hàng đầu tư, môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài, môi giới cho khách hàng trong nước, tự doanh và nghiên cứu phân tích.

TVS có trụ sở tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với một đội ngũ hơn 70 thành viên. Trong tháng 6 năm 2010, TVS đã trở thành tổ chức Ngân hàng đầu tư đầu tiên tại Việt Nam nhận được vốn đầu tư từ IFC, thành viên của World Bank (Ngân hàng Thế giới).

Trong 6 năm qua (2012 - 2017), lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) TVS luôn nằm trong top 10 của hơn 100 công ty chứng khoán tại Việt Nam với lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao nhất. TVS luôn tập trung vào hai mảng kinh doanh chính - Ngân hàng đầu tư và Tự doanh trong giai đoạn khó khăn của thị trường tài chính.


Trong mảng Tự doanh, Hội đồng quản trị của TVS luôn cố gắng cân bằng rủi ro và lợi nhuận phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị thay vì đầu cơ theo xu hướng thị trường.

Trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư, TVS là một trong những nhà tư vấn hàng đầu tại Việt Nam với tổng số 28 giao dịch thành công với tổng giá trị khoảng 740 triệu USD. Thương vụ Diana - Unicharm, trong đó TVS là nhà tư vấn tài chính độc quyền của các cổ đông Diana, được trao giải thưởng "Thương vụ tốt nhất của năm" bởi tạp chí The Asset Magazine vào năm 2011.

- Thành tích bộ phận ngân hàng đầu tư TVS (một số thương vụ tiêu biểu)

Ở Việt Nam, TVS đã hoàn thành trên 30 thương vụ huy động vốn và M&A với tổng giá trị trên 800 triệu USD

Năm	Quy mô	Khách hàng	Nhà đầu tư	Chi chú
2017	50 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành nông nghiệp
2017	12 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2016	5 triệu USD			Huy động vốn ngành giáo dục
2016	28 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ
2016	20 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành truyền thông và giải trí
2015	13 triệu USD			M&A ngành dược phẩm
2015	91 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2015	30 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2014	15 triệu USD			M&A ngành nuôi trồng thủy sản
2014	13 triệu USD			M&A ngành vận tải
2014	22 triệu USD		 & others	Huy động vốn ngành bất động sản
2013	15 triệu USD			Huy động vốn ngành cơ sở hạ tầng
2013	20 triệu USD			M&A ngành truyền thông giải trí
2013	40 triệu USD			M&A ngành bất động sản
2013	5.75 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ

2012	30 triệu USD			M&A ngành ngân hàng
2012	42 triệu USD			M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2012	16 triệu USD	BTRC		M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2011	41 triệu USD			M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2011	184 triệu USD (thông tin công bố)			M&A ngành hàng tiêu dùng Giải thưởng “Thương vụ tốt nhất năm” tạp chí “The Asset Magazine” năm 2011
2010	40 triệu USD			Huy động vốn lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2008	15 triệu USD			M&A lĩnh vực vật liệu xây dựng
2007	11 triệu USD			M&A lĩnh vực hàng tiêu dùng; thương vụ đầu tư đầu tiên của Goldman Sachs ở VN

1.1.4. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty Quản lý quỹ

a) HĐQT Công ty Quản lý Quỹ bao gồm ba thành viên như sau:

- Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch
- Lê Quang Tiến – Thành viên
- Bùi Thị Kim Oanh – Thành viên

b) Thông tin tóm tắt về các thành viên trong HĐQT:

▪ Bà NGUYỄN THANH THẢO



- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Số CMND/hộ chiếu: 012893878
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Thảo là Giám đốc điều hành chi nhánh công ty TVS tại TP Hồ Chí Minh từ tháng 09/2008 trước khi trở thành Tổng Giám đốc Công ty TVS vào tháng 03/2013 và thành viên Hội đồng quản trị TVS. Bà từng là Trưởng phòng nghiên cứu và phân tích của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt khi gia nhập TVS vào năm 2007. Bà từng là chuyên viên phân tích tài chính cao cấp tại Ameriquest Capital Holdings - một trong những nhà cho vay thế chấp lớn nhất ở Mỹ, và các tổ chức tài chính khác. Trước đó, Bà từng làm việc tại văn phòng luật tại California, Mỹ. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại trường ĐH Quan hệ Quốc tế (MGIMO) tại

Cộng hòa liên bang Nga năm 1997 và bằng Quản trị kinh doanh (MBA) tại California, Mỹ năm 2005.

- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 0 CCQ
- Người liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Nguyễn Thanh Bình	10.000 (0,058%)	Em
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	Tổng Giám Đốc kiêm thành viên HĐQT
03	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Chủ tịch HĐQT

▪ Ông **LÊ QUANG TIẾN**



- Họ và tên: Lê Quang Tiến
- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Số CMND: 001077010187
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Tiến hiện là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt. Trước khi gia nhập Thiên Việt vào năm 2007, Ông Tiến là kế toán trưởng Công ty bao bì Hanpack. Ông Tiến có trên 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính và kiểm toán. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Quốc Gia Hà Nội và chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA) của Bộ Tài chính.

- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 0 CCQ
- Người liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	Kế toán trưởng
03	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Kiểm toán nội bộ/Thành viên HĐQT

▪ Bà **BÙI THỊ KIM OANH**



- Họ và tên: Bùi Thị Kim Oanh
- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Số CMND/hộ chiếu: 011645438
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Oanh hiện là Giám đốc điều hành của Vietnam Equity Fund, và có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Việt Nam. Bà Oanh từng làm việc cho tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt trong vòng 6 năm và Quản lý Quỹ Vietnam Frontier Fund trong vòng 7 năm. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại Đức và MBA tại Thái Lan. Bà Oanh hiện là thành viên Hội đồng quản trị TVS.

- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 0 CCQ
- Người liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Lê Đình Long	50.000 (0,29%)	Chồng
02	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.100.000 (18,23%)	Thành viên HĐQT
03	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Thành viên HĐQT

1.1.5. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

▪ Ông **TRẦN VINH QUANG**



- Họ và tên: Trần Vinh Quang
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Số CMND/hộ chiếu: 023709283

Kinh nghiệm làm việc: Ông Quang tham gia vào Công ty Chứng khoán thiên Việt Thiên Việt từ năm 2011 với vai trò Giám đốc đầu tư. Từ 07/2015 đến nay, Ông Quang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc TVAM. Trước khi tham gia TVS, ông Quang từng có hơn 6 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng quản lý Danh mục Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt, phụ trách 2 Quỹ đầu tư với tổng tài sản khoảng 70 triệu USD. Trước đó, ông Quang cũng từng công tác tại phòng kế toán tài chính tại Unilever Việt Nam. Ông Quang tốt nghiệp Cử nhân tài chính loại xuất sắc tại Đại học New South Wales – Úc vào năm 2005 theo chương trình học bổng toàn phần của chính phủ Úc. Ông Quang đã hoàn tất chương trình ACCA (Hiệp Hội Kế toán Công chứng Anh) và của CFA (Hiệp hội Chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông Quang hiện là hội viên của hiệp hội CFA. Ông Vinh Quang hiện là Người điều hành Quỹ tăng trưởng TVAM (TVGF).

- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 800 CCQ chiếm 0,0047%
- Người liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Tổng giám đốc

▪ Ông **NGUYỄN DUY QUANG**



- Họ và tên: Nguyễn Duy Quang
- Số CMND/hộ chiếu: 023270005
- Chức vụ: Giám đốc đầu tư
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Quang tốt nghiệp Đại Học Kinh tế Hồ Chí Minh, Khoa kế toán kiểm toán. Ông Quang hiện có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Ông Quang từng làm việc cho một số tập đoàn lớn như PricewaterhouseCoopers, Unilever ở các vị trí Chuyên viên Tư vấn quản lý và Phó phòng kế toán Quản trị trong nhiều năm. Ông Quang đã từng giữ vị trí Phó giám đốc đầu tư trong vòng 4 năm cho Quỹ đầu tư nước

ngoài Vietnam Equity Holding với tổng giá trị tài sản trên 100 triệu USD. Ông Quang hiện là Người điều hành Quỹ tăng trưởng TVAM (TVGF).

- Số lượng chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 nắm giữ: 0 CCQ

- Người liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ FUCTVGF2:

STT.	Tên tổ chức	Số lượng CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Công ty CP Quản lý quỹ Thiên Việt	300.000 (1,76%)	Giám đốc quỹ

1.1.6. Giới thiệu về Hội đồng đầu tư TVAM

Hoạt động kinh doanh của Quỹ sẽ được quản lý dưới sự chỉ đạo của Hội đồng đầu tư Công ty quản lý Quỹ. Hội đồng đầu tư chịu trách nhiệm xác định mục tiêu đầu tư, đưa ra các chính sách và hạn chế trong lĩnh vực đầu tư. Các cuộc họp Ban lãnh đạo sẽ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Hội đồng đầu tư sẽ giám sát tình hình kinh doanh của Quỹ và đưa ra chỉ đạo, hướng dẫn đối với Giám đốc đầu tư nếu thấy thích hợp.

Hội đồng đầu tư đưa ra quyết định đầu tư khi có đa số phiếu bầu tại các cuộc họp với đủ số đại biểu cần thiết tham dự. Trong trường hợp số phiếu bầu là bằng nhau, Chủ tịch có quyền quyết định cuối cùng.

Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Hội đồng đầu tư (các thành viên này hiện cũng đang là thành viên Hội đồng đầu tư Công ty mẹ TVS):



- Ông NGUYỄN TRUNG HÀ
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng đầu tư
- Số CMND/hộ chiếu: 010310988
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Hà được biết đến như là một chiến lược gia kinh doanh hàng đầu với bề dày kinh nghiệm đầu tư quahơn 30 công ty trong nước. Ông Hà là một trong những thành viên sáng lập của tập đoàn FPT trong 1988 và là người hoạch định chiến lược của FPT trong nhiều năm. Ông Hà cũng là thành viên sáng lập của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB). Ông Hà hiện là chủ tịch hội đồng quản trị TVS

▪ Bà ĐINH THỊ HOA



- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng đầu tư
- Số CMND/hộ chiếu: 010078518
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Hoa là người thành lập và là Chủ tịch tập đoàn Galaxy, một trong những tập đoàn truyền thông và giải trí thành công lớn nhất Việt Nam. Bà Hoa là người Việt Nam đầu tiên có bằng MBA tại Đại học Harvard sau giải phóng. Bà cũng là nhân tố quan trọng trong việc hỗ trợ thiết lập các hợp đồng đầu tiên của Procter & Gamble (trị giá 100 triệu USD) tại Việt Nam trước khi thành lập tập đoàn Galaxy vào năm 1994. Bà Hoa cũng là người thành lập Trường kinh doanh Hà Nội và cũng là Trường khoa Marketing của trường trong nhiều năm. Bà Hoa hiện là phó chủ tịch Hội đồng quản trị TVS, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị ngân hàng ACB.

▪ Bà NGUYỄN THANH THẢO (xem mục 1.1.4.b)

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng đầu tư

▪ Bà BÙI THỊ KIM OANH – (xem mục 1.1.4.b)

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng đầu tư

1.1.7. Giới thiệu về người hành nghề quản lý tài sản trực tiếp quản lý quỹ:

- Ông **TRẦN VINH QUANG** (xem mục 1.1.5)
- Số chứng chỉ hành nghề: 000792/QLQ do UBCKNN cấp ngày 14/11/2011
- Ông **NGUYỄN DUY QUANG** (xem mục 1.1.5)
- Số chứng chỉ hành nghề: 001299/QLQ do UBCKNN cấp ngày 26/08/2015

1.2. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt được thành lập từ năm 2006 theo Giấy phép thành lập hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 với tên công ty là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc (API). Năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (TVS) thực hiện mua 99,2% API và đổi tên API thành Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPDC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 05 năm 2015.

Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 406%, tổng tài sản đạt 58,3 tỷ đồng tăng trưởng 62,7% so với năm 2016, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 42,2 tỷ đồng, tăng 29%. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 34,2 và 16 tỷ đồng lần lượt tăng 35,8 % và 108% so với năm 2016.

Tại ngày 31/03/2018, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 475%, tổng tài sản đạt 48,8 tỷ đồng tăng trưởng 47,2% so với quý 01/ năm 2017, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 43,9 tỷ đồng, tăng 33,2%. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Quý 01/ 2017 đạt 3,5 tỷ và 1,7 tỷ đồng lần lượt tăng 187,6 % và 735% so với Quý 01/2017.

Các danh mục ủy thác do TVAM quản lý tăng trưởng hơn 50% trong năm 2017. Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (FUCTVGF1), được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 21/GCN-UBCK (ngày 20 tháng 5 năm 2016), đã tiến hành giải ngân từ cuối tháng 5/2016 khi VNIndex đang ở mức 612. Tính đến cuối 2017, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ FUCTVGF1 đạt 206 tỷ đồng, tương ứng NAV/chứng chỉ quỹ là 13.733 đồng, tăng trưởng 56,5% so với mức 48% của VN-Index và 45.9% của HNX-Index mặc dù Quỹ luôn thận trọng giữ mức tiền mặt bình quân trên 20% - 30% trong suốt thời gian đầu tư. Tính đến 31/05/2018, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ FUCTVGF1 đạt 192,3 tỷ đồng, tương ứng NAV/chứng chỉ quỹ là 12.826 đồng.

Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (FUCTVGF2) do TVAM đang quản lý được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK (ngày 02 tháng 01 năm 2018), Quỹ TVGF2 đã tiến hành giải ngân đầu tháng 01/2018. Tính đến 08/06/2018, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ TVGF2 đạt 162,1 tỷ đồng, tương ứng NAV/chứng chỉ quỹ là 9.538 đồng và quỹ đang giữ tỷ lệ tiền mặt ở mức 12%.

Cùng với sự hỗ trợ chuyên sâu từ Công ty mẹ TVS về tài chính, quản trị, công nghệ, mối quan hệ với đối tác định chế tài chính, khách hàng tiềm năng,... TVAM sẽ phát triển thành một trong những công ty quản lý quỹ uy tín hàng đầu mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và nhà đầu tư. Kết quả đầu tư tăng trưởng từ tài sản ủy thác do TVAM quản lý trong trong quá khứ nêu trên không hàm ý bảo đảm hoạt động của các tài sản ủy thác mà TVAM quản lý trong tương lai.

2. Thông tin về ngân hàng giám sát:

2.1. Các thông tin chung về ngân hàng giám sát

- Tên đầy đủ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Tên viết tắt: BIDV Hà Thành

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy CNĐKHĐ-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015
- Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014. (đính kèm bản sao)
- Trụ sở chính: 74 Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-024) 3941.1845/46 Fax : (84-024) 3941.1847
- Website: www.bidv.com.vn
- Thời gian hoạt động (nếu có): 14 năm
- Các điều kiện và điều khoản có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của Ngân hàng Giám sát cho Quỹ được thể hiện chi tiết tại Hợp đồng Giám sát giữa được ký giữa công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt và Ngân hàng Giám sát.

2.2. Đính kèm hợp đồng giám sát giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

3. Thông tin về công ty kiểm toán

3.1. Các thông tin chung về Công ty kiểm toán BCTC của Quỹ

- Tên công ty: Ernst & Young Vietnam Limited
- Địa chỉ: Bitexco Financial Tower, 28th Floor, Số 2 Hải Triều, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +84 028 3824 5252 Fax: +84 028 3824 5250
- Website: http://www.ey.com

3.2. Đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa Công ty quản lý quỹ và Công ty kiểm toán.

4. Thông tin về Công ty tư vấn luật nếu có: không

5. Thông tin về tổ chức định giá: không

VI. NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ:

- Tên chứng khoán: Chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
- Loại hình quỹ: Quỹ đầu tư đại chúng dạng đóng
- Loại chứng khoán: Chứng chỉ quỹ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/chứng chỉ quỹ
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 17.000.000 chứng chỉ quỹ
- Phương pháp tính giá:

Giá tham chiếu của Chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày kết thúc chào bán. Cụ thể như sau:

$$\text{NAV một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} - \text{Số tiền đăng ký mua} * \text{Phí phát hành}(\%)}{(1 + \text{Phí phát hành}(\%)) \times \text{Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối}}$$

$$\text{NAV một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} = \frac{171.700.000.000 \text{ VND} - 171.700.000.000 \text{ VND} * 1\%}{17.000.000 \text{ ccq} * (1+1\%)} = 10.000 \text{ VND/ccq}$$

Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt đưa ra mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên là **10.000 đồng** /chứng chỉ quỹ.

2. Giấy uỷ quyền của ban đại diện Quỹ cho Công ty quản lý Quỹ về việc tiến hành các thủ tục niêm yết

Việc niêm yết chứng chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư 228/2012/TT-BTC và Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ (Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục, hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Nguyễn Văn Ngọc	Chủ tịch Ban đại diện quỹ (BĐD)	2.000.000	1.000.000
2	Nguyễn Hữu Duy	Thành viên BĐD	100	50
3	Ngô Thị Tuất	Thành viên BĐD	100	50
4	Lại Hải Hồng	Thành viên BĐD	100	50
5	Hà Thanh Hòa	Thành viên BĐD	100	50
Cộng			2.000.400	1.000.200

4. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: Cam kết sửa Điều 21 “Ban đại diện” của Điều lệ

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Theo Khoản 6 Điều 3 của Điều lệ Quỹ, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với chứng chỉ quỹ là 49% vốn điều lệ Quỹ.

6. Các loại thuế có liên quan đến chuyển nhượng chứng chỉ quỹ:

- Căn cứ vào Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán.

- Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán.

- Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn của Bộ tài chính về Luật thuế thu nhập cá nhân

- Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập khi nhận cổ tức từ việc sở hữu chứng chỉ quỹ

- Đối với Nhà đầu tư cá nhân trong nước/ nước ngoài: sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân là 5% trên phần cổ tức được nhận và Công ty chứng khoán quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư sẽ có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục nộp thuế thay cho nhà đầu tư.
 - Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước/ nước ngoài: sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức 20% từ 01/01/2016 cho phần cổ tức chưa bị đánh thuế.
- b) Thuế thu nhập khi chuyển nhượng chứng chỉ quỹ
- Đối với nhà đầu tư cá nhân trong nước/nước ngoài: sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở mức 0,1% trên tổng giá trị từng lần chuyển nhượng chứng chỉ quỹ (không trừ bất kỳ khoản chi phí nào) và Công ty chứng khoán có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục nộp thuế thay cho nhà đầu tư.
 - Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước: khoản thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ sẽ được tính chung vào thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài: sẽ chịu mức thuế 0.1% trên tổng giá trị chuyển nhượng chứng chỉ quỹ tại thời điểm hoàn tất lệnh chuyển nhượng và Công ty chứng khoán sẽ có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục nộp thuế thay cho nhà đầu tư.

VII. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ, công ty tư vấn, ngân hàng giám sát cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

VIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua

2. Các phụ lục khác được nói đến trong Bản cáo bạch, bao gồm:

- Phụ lục 1: Điều lệ Quỹ đã được nhà đầu tư thông qua
- Phụ lục 2: Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ số 62/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2017
- Phụ lục 3: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ số 29/GCN-UBCK do UBCKNN cấp
- Phụ lục 4: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ
- Phụ lục 5: Hợp đồng giám sát
- Phụ lục 6: Hợp đồng kiểm toán
- Phụ lục 7: Biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư lần đầu
- Phụ lục 8: Báo cáo kết quả đầu tư của quỹ tính đến thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát
- Phụ lục 9: Giấy uỷ quyền của ban đại diện Quỹ cho Công ty quản lý Quỹ về việc tiến hành các thủ tục niêm yết: Việc niêm yết chứng chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư 228/2012/TT-BTC và Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ (Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục, hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật
- Và các phụ lục khác.

3. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết.

Hoạt động của Quỹ và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật sau:

- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn pháp luật khác có liên quan.

4. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: 028.6299 2090 Fax: 028.6299 2103
Website: www.tvam.vn Email: info@tvam.vn

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thanh Thảo

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Anh Tú

Tổng Giám Đốc

Trần Vinh Quang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 2

Chủ tịch BDD Quỹ

Thành viên

Nguyễn Hữu Duy

Nguyễn Văn Ngọc

Thành viên

Lại Hải Hồng

Thành viên

Ngô Thị Tuất

Thành viên

Hà Thanh Hòa

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2018
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
- CHI NHÁNH HÀ THÀNH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh